

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024.08.26.24/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu - TP Sơn La - Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước Mặt Suối Nậm Lạnh - CNCN Sốp Cộp
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.05/BBGM. Ngày 05 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	0,12	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	< 0.01	0,01	SMEWW 3500- Cr.B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,1	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	0,351	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	0,051	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Mangan (Mn)	mg/l	0,09	0,1	TCCS HD – 01/01
10	Thủy Ngân(Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
11	BOD ₅ (20 ⁰) (*)	mg/l	4	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
12	COD (*)	mg/l	9	≤ 10	SMEWW 5220C : 2017

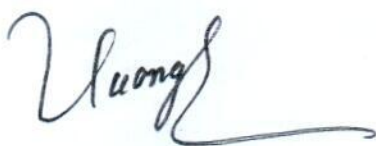
13	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	6,5	$\geq 6,0$	TCVN 7325:2004
14	Amoni (NH_4^+) (tính theo N) (*)	mg/l	0,09	0,3	SMEWW 4500- NH_3 B&F : 2017
15	Florua (F^-) (*)	mg/l	< 0,04	1	SMEWW 4500- F^- B&D : 2017
16	Xyanua (CN^-) (*)	mg/l	< 0,001	0,01	SMEWW 4500- CN^- -E.F : 2017
17	Chất hoạt động bề mặt anion (*)	mg/l	0,08	0,1	TCVN 6622-1:2009
18	Tổng dầu mỡ (*)	mg/l	3,36	5,0	SMEWW 5520B:2017
19	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	< 0,1	$\leq 0,1$	SMEWW 4500- P..E : 2017
20	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,56	$\leq 0,6$	SMEWW 5310C:2012
21	E.Coli (*)	MPN hoặc CFU/100 ml	KPH	20	TCVN 6187-1:2019
22	Tổng Coliform (*)	CFU hoặc MPN/100 ml	$8,6 \times 10^2$	≤ 1000	SMEWW 9221B:2017

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc







Điêu Thị Thương

Điêu Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 516/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp
Vị trí lấy mẫu : Suối Nậm Lạnh
Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 28/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 529/BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (A)	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.12	6.5 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	23	≤ 25	TCVN6625:2000
3	Clorua	mg/l	9.36	250	TCVN6194:1996
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH Lod: 0.08	0.05	TCVN6178:1996
5	Sắt	mg/l	0.46	0.5	TCVN6177:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

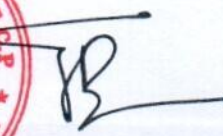

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát


Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc




Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.25/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng khoan Viện 6 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	0,003	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,27)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	240	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,05	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F. B&D: 2017

14	Sunfat (SO_4^{2-}) (*)	mg/l	3,53	400	SMEWW 4500 SO_4^{2-} .E:2017
15	Xyanua (CN^-) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxide	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,011	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,137	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	3	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Thủ nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc



Điêu Thị Thương

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017
Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 525/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Giếng Viện 6
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 37/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 538/BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.59	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	306	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 <i>Lod: 0.08</i>	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	0.29	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	<0.1 <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.71	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	20.70	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

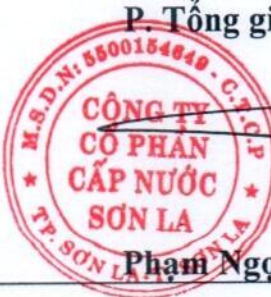
Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.08.26.26/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng khoan Km 7 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	0,002	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	< 0,1	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	302	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,04	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
14	Sunfat (SO ₄ ⁻²) (*)	mg/l	3,68	400	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017

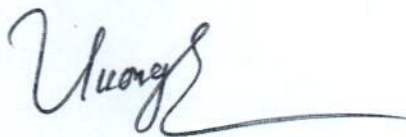
15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,016	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,139	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	2	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Giám đốc







Điền Thị Thương

Điền Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 526/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Giếng km 7
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 38/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 539BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.66	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	310	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 Lod: 0.08	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	<0.2 Lod: 0.2	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	0.11	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.56	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	19.99	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.08.26.27/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng khoan Km 8 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	0,047	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,27)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	345	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,06	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
14	Sunfat (SO ₄ ⁻²) (*)	mg/l	3,50	400	SMEWW 4500 SO ₄ ⁻² .E:2017

15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,012	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,135	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	2	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc



Điền Thị Thương

Điền Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 527/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Giếng km 8
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 39/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 540BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.57	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	308	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 <i>Lod: 0.08</i>	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	<0.2 <i>Lod: 0.2</i>	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	0.14	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.69	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	39.14	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.28/TN



ISO 9001:2015

- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng khoan Km 10 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	0.045	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	< 0,1	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	297	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,03	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
14	Sunfat (SO ₄ ²⁻) (*)	mg/l	3,46	400	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017

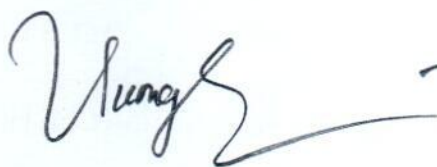
15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,010	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,133	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	3	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Thủ nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Giám đốc



Điều Thị Thương

Điều Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 528/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Giếng km 10
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 40/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 541BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.44	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	304	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 Lod: 0.08	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	<0.2 Lod: 0.2	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	0.22	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.68	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	26.37	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.29/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng khoan Km 11 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

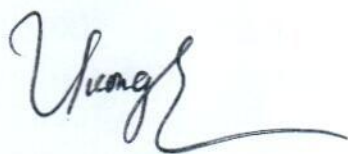
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	0,047	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,27)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	340	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,08	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
14	Sunfat (SO ₄ ⁻²) (*)	mg/l	3,66	400	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017

15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,015	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,138	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	3	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024
Giám đốc





Điều Thị Thương

Điều Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 529/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Giếng km 11
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 41/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 542BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.41	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	318	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 Lod: 0.08	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	0.26	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	0.16	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.73	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	31.34	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

Kiểm soát

Tổng giám đốc

Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

Ở KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.30/TN



ISO 9001:2015

- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng khoan Km 12 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacđimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	< 0,116	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,27)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	350	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,06	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
14	Sunfat (SO ₄ ²⁻) (*)	mg/l	3,63	400	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017

15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,014	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,140	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	3	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024
Giám đốc

(Signature)



Điêu Thị Thương

Điêu Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 530/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Giếng km 12
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 42/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 543BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.55	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	300	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 Lod: 0.08	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	<0.2 Lod: 0.2	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	0.13	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.68	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	30.63	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.31/TN



- 01 Tên đơn vị gửi mẫu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng khoan Km 13 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	0,048	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,0027)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	374	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,09	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
14	Sunfat (SO ₄ ⁻²) (*)	mg/l	3,70	400	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017

15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxide	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,018	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,142	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	3	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024
Giám đốc

(Signature)

(Signature)



Điền Thị Thương

Điền Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 531/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Giếng km 13
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 43/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 544BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.43	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	316	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 Lod: 0.08	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	<0.2 Lod: 0.2	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	0.13	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.69	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	33.46	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

Nguyễn Hoàng Luân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.32/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất mố Chiềng Ly – CNCN Thuận Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	< 0,013	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	< 0,1	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,04)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	< 0,092	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	253	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,07	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
14	Sunfat (SO ₄ ⁻²) (*)	mg/l	3,45	400	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017
15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 507/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
Vị trí lấy mẫu : Mỏ Chiềng Ly
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 19/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 520/BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.73	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	290	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 <i>Lod: 0.08</i>	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	0.45	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	0.32	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.30	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	13.61	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.33/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất mỏ Chiềng Pắc – CNCN Thuận Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

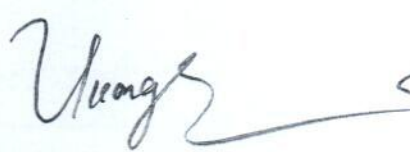
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,0027)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	241	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,05	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
14	Sunfat (SO ₄ ⁻²) (*)	mg/l	3,29	400	SMEWW

					4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017
15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxide	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,013	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,122	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	2	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024
Giám đốc



Điêu Thị Thương

Điêu Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 506/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
Vị trí lấy mẫu : Mỏ Chiềng Pắc
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 18/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 519BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.62	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	300	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 <i>Lod: 0.08</i>	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	1.34	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	<0.1 <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.37	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	25.67	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**


Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát


Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc




Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927

Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.08.26.34/TN



ISO 9001:2015

- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất mỏ Bưu Điện – CNCN Mộc Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,0027)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	253	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,09	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
14	Sunfat (SO ₄ ⁻²) (*)	mg/l	3,26	400	SMEWW

					4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017
15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,010	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,126	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	2	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Thủ nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024
Giám đốc

(Signature)



Điêu Thị Thương

Điêu Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 552/2024

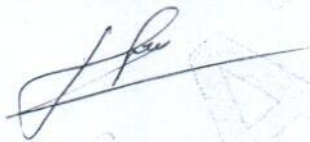
Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu
Vị trí lấy mẫu : Mỏ Bưu Điện
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 64/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 565/BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.77	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	286	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 <i>Lod: 0.08</i>	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	0.26	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	<0.1 <i>Lod: 0.1</i>	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.55	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	19.28	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích



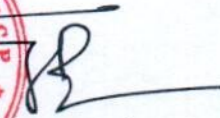
Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "--": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.08.26.35/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước dưới đất giếng Ủy Ban – CNCN Mộc Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

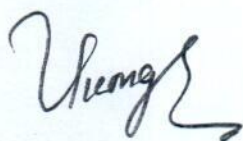
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,05	TCCS HD – 03/01
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Crom (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Hàm lượng Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
6	Hàm lượng Kẽm (Zn)	mg/l	< 0,116	3	TCCS HD – 01/01
7	Hàm lượng Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
8	Hàm lượng Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,0027)	0,5	TCCS HD – 01/01
9	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Hàm lượng Selen (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
11	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	266	1500	SOP-AB-TSD
12	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	mg/l	0,07	1	SMEWW 4500 NH ₃ .B&D:2017
13	Florua (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F ⁻ . B&D: 2017
14	Sunfat (SO ₄ ⁻²) (*)	mg/l	3,32	400	SMEWW

					4500 SO ₄ ²⁻ .E:2017
15	Xyanua (CN ⁻) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
	Hóa chất BVTV (*)				
16	Aldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	TCVN 7876:2008
17	Lindane (C ₆ H ₆ Cl ₆)	mg/l	< 0,000016	0,00002	
18	Dieldrin	mg/l	< 0,000006	0,0001	
19	DDTs	mg/l	< 0,000016	0,001	
20	Heptachlor & Heptachlorepoxide	mg/l	< 0,000006	0,001	
21	Tổng phenol (*)	mg/l	< 0,00015	0,001	NIOEH.HD.H.PP.44: 2022
22	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	0,015	0,1	SMEWW 7110B: 2017
23	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L	0,131	1	SMEWW 7110B: 2017
24	Tổng Coliform (*)	MPN / 100 ml	1	3	SMEWW 9221.B:2017
25	E. Coli (*)	MPN / 100 ml	KPH	KPH	TCVN 6187-1:2019

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024
Giám đốc







Điều Thị Thương

Điều Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 553/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu
Vị trí lấy mẫu : Giếng Ủy Ban
Loại mẫu : Nước dưới đất - Mã số 65/T8/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 566/BB ngày 05 tháng 08 năm 2024
Ngày phân tích : 06/08/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Chỉ số pH	-	6.86	5,8 – 8,5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/l	288	500	TCVN6224:1996
3	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	<0.08 Lod: 0.08	1	TCVN6178:1996
4	Pecmanganat	mg/l	<0.2 Lod: 0.2	4	TCVN6186: 1996
5	Sắt	mg/l	<0.1 Lod: 0.1	5	TCVN6177:1996
6	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/l	0.58	15	TCVN6180: 1996
7	Clorua	mg/l	20.70	250	TCVN6197:1996

Sơn La, ngày 10 tháng 08 năm 2024

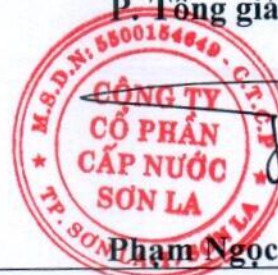
Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc